

Bản án số: **18/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 19 - 5 - 2020.
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Chung Kim Sang**

2. Ông Nguyễn Quốc Tiến

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về “**Tranh chấp ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXX-ST ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Quách Hồng A**, sinh năm 1980 (*có mặt*)

Địa chỉ cư trú: Số 609 Q, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: **Ông Trần Tấn P**; sinh năm 1978 (*có đơn xin vắng mặt*)

HKTT: Số 74/4/11 đường D, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ tạm trú: Số A4- Lô 16 đường Ngô Sĩ L, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Quách Hồng A trình bày:**

Bà và ông Trần Tấn P tự tìm hiểu yêu thương và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã; nguyên nhân chính do ông P không tôn trọng và sống thiếu trách

nhiệm với vợ con, không chăm lo làm ăn mà thường hay tụ tập bạn bè uống rượu rồi kiếm chuyện mắng chửi, dùng nhiều lời lẽ xúc phạm bà, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt; mặc dù bà đã nhiều lần khuyên nhủ cũng như cho ông P cơ hội sửa đổi nhưng ông P vẫn không thay đổi, mâu thuẫn kéo dài nên bà và ông P đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống hòa hợp, nên bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà A yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tấn P.

- Về con chung: Bà A xác định bà và ông P chung sống có một con chung tên Trần Thiện T – sinh năm 1996; do con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Tấn P trình bày:***

Ông thống nhất với lời trình bày của bà A về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung; đồng thời ông P xác định ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A như sau:

- Về hôn nhân: Ông P đồng ý ly hôn với bà Quách Hồng A.

- Về con chung: Ông P xác định con chung tên Trần Thiện T - sinh năm 1996 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông P thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn bà Quách Hồng A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Tấn P; đồng thời bà A xác định con chung đã trưởng thành, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết; ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Trần Tấn P có đơn đề ngày 11/5/2020 xác định giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, đồng thời xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Quách Hồng A khởi kiện xin ly hôn với bị đơn ông Trần Tấn P, hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số A4- Lô 16 đường L, phường H, thành phố G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn ông Trần Tấn P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn bà Quách Hồng A đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt ông P.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Quách Hồng A và ông Trần Tấn P, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Quách Hồng A và ông Trần Tấn P đều thống nhất trình bày việc hai bên chung sống với nhau từ năm 1995 là hoàn toàn tự nguyện, mặc dù có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, bà A xác nhận từ thời điểm bà và ông P chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 cho đến thời điểm hiện tại mặc dù cả hai có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật nhưng bà và ông P vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền; quá trình chung sống đến nay giữa hai bên phát sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông P; phía ông P cũng thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: *“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003.....”* và *“Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”*. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

Đối chiếu các quy định nêu trên thì bà Quách Hồng A và ông Trần Tấn P đã không tuân thủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình, nên quá trình chung sống với nhau như vợ chồng giữa bà A và ông P từ năm 1995 đến nay không được pháp luật công nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Quách Hồng A và ông Trần Tấn P.

[3] Về quan hệ con chung: Bà A và ông P thống nhất xác định ông bà có 01 (một) người con chung tên Trần Thiện T - sinh năm 1996 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A và ông P thống nhất xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Quách Hồng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 53, Điều 14, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Quách Hồng A và ông Trần Tấn P.

2. Về quan hệ con chung: Bà A và ông P thống nhất xác định ông bà có 01 (một) người con chung tên Trần Thiện T - sinh năm 1996 đã trưởng thành và có khả năng tự lao động, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Nguyên đơn bà Quách Hồng A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà A đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001754 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/5/2020). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến

